

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông TRẦN ANH T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Nhân.

2. Ông Phạm Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **PHẠM THỊ L**, sinh năm 1994.

Nơi thường trú: Thôn Cương, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi tạm trú, nơi ở: Số nhà 02, đường Lương Sơn Tuyết, tổ dân phố 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **TRẦN ANH T**, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: Thôn Cương, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi tạm trú, nơi ở: Số nhà 02, đường Lương Sơn Tuyết, tổ dân phố 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **PHẠM THỊ L** trình bày: Tôi và anh **TRẦN ANH T** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết

hôn chúng tôi cùng nhau lên thành phố T sinh sống, làm ăn, tôi làm cắt tóc gội đầu, anh T thì lái xe Taxi. Đến tháng 4/2019 tôi sinh con là cháu Trần Minh Q, cuộc sống của chúng tôi vẫn hạnh phúc bình thường. Đến tháng 10/2021 chúng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn lý do là chúng tôi bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn. Hiện nay chúng tôi cùng tạm trú tại số nhà 02, đường Lương Sơn Tuyết, tổ dân phố 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chúng tôi đã tạm trú ở Tuyên Quang từ năm 2018 đến nay, nhưng tôi và anh T chỉ gọi điện để liên lạc về con. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đề nghị giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T theo pháp luật.

Về con chung tôi và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 04/4/2019, hiện nay cháu Q đang ở với anh T. Khi ly hôn, tôi nhất trí việc anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh Q, tôi làm nghề tự do, nên tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) từ khi ly hôn cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Tôi đề nghị được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung tôi và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung tôi và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh TRẦN ANH T không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị PHẠM THỊ L cung cấp cho Tòa án:

- Đơn đề nghị thu thập tài liệu.
- 01 Căn cước công dân PHẠM THỊ L (bản sao).
- 01 Xác nhận thông tin về cư trú đối với PHẠM THỊ L, TRẦN ANH T do Công an phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp (bản chính).

Tòa án nhân dân thành phố T uỷ thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, kết quả uỷ thác thu thập được Trích lục kết hôn thể hiện chị PHẠM THỊ L và anh TRẦN ANH T có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Thu thập bản sao Giấy khai sinh của con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 04/4/2019.

Xác minh tại tổ dân phố 13, phường T, thành phố T nơi tạm trú của chị PHẠM THỊ L và anh TRẦN ANH T được biết: Chị L và Anh T là vợ chồng. Chị L và anh T tạm trú trại tổ dân phố 13, phường T, thành phố T. Anh T và con trai thường xuyên ở tổ dân phố 13, phường T chị L không ở cùng anh T nữa, nhưng thỉnh thoảng về thăm con. Mâu thuẫn vợ chồng chị L anh T cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, anh T có xác định là vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng không đến Tòa án làm việc và từ chối nhận văn bản của Tòa án. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh T có 01 người con chung là Trần Minh Q, hiện đang ở cùng anh T. Chị L và anh T có tài gì chung địa phương không biết. Về tài sản cho vay và vay nợ chung thì địa phương không nắm được.

Mức thu nhập bình quân của người dân ở phường T, thành phố T là 8.500.000 đồng/người/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T từ chối nhận văn bản của Toà án và đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Toà án nhân dân thành phố T không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thành phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị L đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh T còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 110; 116; 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị PHẠM THỊ L được ly hôn với anh TRẦN ANH T.
- *Về con chung*: Giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 04/4/2019 cho anh TRẦN ANH T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị PHẠM THỊ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh TRẦN ANH T là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2024 trở đi cho đến khi cháu Trần Minh Q đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng và phải chịu lãi nếu chậm thi hành án dân sự.

Chị PHẠM THỊ L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không có, nên không xem xét giải quyết.
- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: + Chị PHẠM THỊ L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- + Anh TRẦN ANH T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị PHẠM THỊ L và anh TRẦN ANH T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L, anh T lên thành phố T, tỉnh Tuyên Quang sinh sống, làm ăn và có đăng ký tạm trú theo quy định. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị L và anh T có mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị L là được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 04/4/2019. Xét thấy cháu Trần Minh Q tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện nay anh T là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q, chị L đi làm ăn xa chỉ thỉnh thoảng về thăm con, chị L nhất trí đề nghị giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, nên giao cháu Q cho anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ pháp luật và phù hợp với thực tế. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là có căn cứ pháp luật và phù hợp với thực tế, nên chấp nhận việc chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T kể từ tháng 3 năm 2024 trở đi cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và chị L phải chịu lãi nếu chậm nộp tiền cấp dưỡng; chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 357 của Bộ luật dân sự và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung: Do đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Do đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh TRẦN ANH T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị L xin ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: - Chị PHẠM THỊ L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh TRẦN ANH T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Nguyên đơn là chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị L và anh T theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 110; 116; 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị PHẠM THỊ L được ly hôn với anh TRẦN ANH T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2019 cho anh TRẦN ANH T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị PHẠM THỊ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh TRẦN ANH T là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2024 trở đi cho đến khi cháu Trần Minh Q, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2019 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Chị PHẠM THỊ L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về án phí:* - Chị PHẠM THỊ L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị PHẠM THỊ L phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000000704779; Mã thông báo: ZY8FX4AKQ5, ngày 09 tháng 10 năm 2023, Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00001015, ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Chị PHẠM THỊ L phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Anh TRẦN ANH T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị PHẠM THỊ L và anh TRẦN ANH T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN ANH TUẤN